

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ
KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**
Mã số thuế: 0 8 0 0 3 0 0 4 4 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

Quý I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính
- Giải trình kết quả kinh doanh tăng, giảm quý

Nơi nhận báo cáo:.....

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý I năm 2015

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129,029,705,949	109,778,636,924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	115,700,409,134	96,719,963,222
1. Tiền	111		2,200,409,134	3,219,963,222
2. Các khoản tương đương tiền	112		113,500,000,000	93,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,303,087,845	1,062,931,804
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	304,602,000	228,667,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		125,718,175	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	872,767,670	834,264,804
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		11,993,030,886	11,993,030,886
1. Hàng tồn kho	141	V.5	11,993,030,886	11,993,030,886
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33,178,084	2,711,012
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31,845,600	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	1,332,484	2,711,012
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		107,799,791,930	88,160,920,238
I. Nợ ngắn hạn	310		23,913,549,819	22,203,234,165
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	439,574,748	501,548,293
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11,144,700,000	11,144,700,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1,605,167,414	451,760,152
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	6,904,056,900	5,209,165,872
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	2,444,727,273	3,259,636,364
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1,372,515,130	1,372,515,130
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,808,354	263,908,354
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		83,886,242,111	65,957,686,073
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	83,886,242,111	65,957,686,073
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		265,015,980,678	265,238,938,625
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	265,015,980,678	265,238,938,625
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		258,948,680,000	258,948,680,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		258,948,680,000	258,948,680,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,180,000,000	2,180,000,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,580,690,594	1,580,690,594
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,306,610,084	2,529,568,031
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2,529,568,031	(731,605,320)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(222,957,947)	3,261,173,351
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		372,815,772,608	353,399,858,863

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thảo

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ(Đơn vị tính: VND)
Quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,091,264,068	-	1,091,264,068	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,091,264,068	-	1,091,264,068	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,955,489,340	-	1,955,489,340	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(864,225,272)	-	(864,225,272)	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,344,921,982	387,329,270	1,344,921,982	387,329,270
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	703,654,657	773,682,271	703,654,657	773,682,271
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(222,957,947)	(386,353,001)	(222,957,947)	(386,353,001)
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(222,957,947)	(386,353,001)	(222,957,947)	(386,353,001)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị tính: VND)
Quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(222,957,947)	(386,353,001)	(222,957,947)	(386,353,001)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.5				

Người lập biểu

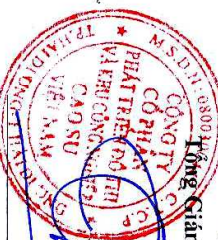
Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Thảo

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: 12 Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		19,955,022,318	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(634,119,206)	(4,797,725,455)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(738,354,000)	(573,737,000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(391,515,106)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		726,946,192	15,036,624,233
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(507,453,839)	(201,099,776)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19,054,756,912	9,464,062,002
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(74,311,000)	(263,616,498)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		644,230,553	180,466,666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(74,311,000)	(83,149,832)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: 12 Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

=A4

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		18,980,445,912	9,380,912,170
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	96,719,963,222	15,341,439,406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	2,787,604
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	115,700,409,134	24,725,139,180

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thảo

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thành

CÔNG TY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC Quý I năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Cho thuê hạ tầng khu công nghiệp

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Việc lập Báo cáo tài chính Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cùng áp dụng các chính sách kế toán như nhau.

1. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

7. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất là tiền thuê đất trả tiền hàng năm của Dự án Khu công nghiệp Cộng Hòa – Chí Linh phát sinh từ năm 2008 đến năm 2014. Công ty thực hiện phân bổ như sau:

- Đối với tiền thuê đất tương ứng với diện tích đất chưa cho thuê, Công ty ghi nhận là chi phí trước dài hạn để chờ khi phát sinh doanh thu cho thuê sẽ thực hiện phân bổ vào chi phí tương ứng với thời gian cho thuê.
- Đối với tiền thuê đất tương ứng với diện tích đất đã phát sinh doanh thu cho thuê từ năm 2008 đến thời điểm phát sinh doanh thu cho thuê đất Công ty phân bổ vào chi phí từ thời điểm bắt đầu phát sinh doanh thu cho thuê đất với thời gian phân bổ bằng thời gian cho thuê đất.
- Đối với tiền thuê đất tương ứng với diện tích đất đã phát sinh doanh thu từ thời điểm phát sinh doanh thu cho thuê đất công ty ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo diện tích đất cho thuê.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động

10. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Ghi nhận thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp được thực hiện phân bổ theo thời gian thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	212.946.442	267.632.693
Tiền gửi ngân hàng	1.987.462.692	2.952.330.529
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	113.500.000.000	93.500.000.000
Cộng	<u>115.700.409.134</u>	<u>96.719.963.222</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối quý</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	37.101.365.591	2.068.942.406	35.032.423.185	37.101.365.591	2.068.942.406	35.032.423.185
Đầu tư vào công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Cao Su Việt Nam)	7.132.707.915	1.684.174.800	5.448.533.115	7.132.707.915	1.684.174.800	5.448.533.115
Đầu tư vào đơn vị khác	29.968.657.676	384.767.606	29.583.890.070	29.968.657.676	384.767.606	29.583.890.070
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội ^(*)	168.707.676	-	168.707.676	168.707.676	-	168.707.676
Công ty Cổ phần địa ốc MB	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	499.950.000	384.767.606	115.182.394	499.950.000	384.767.606	115.182.394
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	25.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Cộng	<u>37.101.365.591</u>	<u>2.068.942.406</u>	<u>35.032.423.185</u>	<u>37.101.365.591</u>	<u>2.068.942.406</u>	<u>35.032.423.185</u>

3. Phải thu của khách hàng

Là khoản phải thu ngắn hạn Công ty TNHH Nice Ceramic.

4. Phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	872.767.670	834.264.804
Lãi tiền gửi dự thu	696.136.111	- 660.411.112
Phải thu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chi ủng hộ học sinh nghèo, trường học xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh	125.000.000	125.000.000
Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Dương	1.752.120	48.497.650
Các khoản phải thu khác	463.492	356.042
Tạm ứng	49415947	-
Dài hạn	54.789.593.439	55.307.878.849
Phải thu ban đền bù giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Cộng Hòa	53.265.262.660	53.767.755.070
Phải thu về chuyển nhượng vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	1.524.330.779	1.540.123.779
Cộng	<u>55.662.361.109</u>	<u>56.142.143.653</u>

5. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí san nền khu công nghiệp Cộng Hòa- Chí Linh.

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	11.993.030.886	11.993.030.886
Dự phòng	-	-

6. Tài sản dở dang dài hạn

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang Khu công nghiệp Cộng Hòa

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	140.888.403.487	139.419.481.494
Chi phí phát sinh trong kỳ	424.186.230	1.468.921.993
Số cuối quý	<u>141.312.589.717</u>	<u>140.888.403.487</u>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	166.181.818	2.798.869.732	117.308.056	3.082.359.606
Số cuối quý	<u>166.181.818</u>	<u>2.798.869.732</u>	<u>117.308.056</u>	<u>3.082.359.606</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.798.869.732	117.308.056	2.916.177.788
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	107.035.387	2.798.869.732	117.308.056	3.023.213.175
Khấu hao trong kỳ	8.309.091	-	-	8.309.091
Số cuối quý	<u>115.344.478</u>	<u>2.798.869.732</u>	<u>117.308.056</u>	<u>3.031.522.266</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	59.146.431	-	-	59.146.431
Tại ngày cuối quý	<u>50.837.340</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>50.837.340</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị phần mềm máy tính:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	30.000.000	30.000.000	-
Tăng trong năm	-	-	-
Số cuối quý	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>	<u>-</u>

9. Chi phí trả trước

Là chi phí trả trước dài hạn, chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Tiền thuê đất Khu công nghiệp Cộng Hòa Chí Linh trong thời gian đầu tư dự án chưa phân bổ	11.860.888.979	326.040.975	21.832.604	12.165.097.350
Công cụ dụng cụ	12.960.884	3.535.454	478.497	16.017.841
Chi phí bảo hiểm	19.619.790	-	7.698.064	11.921.726
Chi phí khảo sát đường dây 0,4 KV	237.103.334	-	32.314.273	204.789.061
Cộng	<u>12.130.572.987</u>	<u>329.576.429</u>	<u>62.323.438</u>	<u>12.397.825.978</u>

10. Phải trả người bán

Là các khoản phải trả người bán ngắn hạn:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	439.574.748	439.574.748
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	-	44.009.600
Công ty cổ phần Sơn Thành	-	14.633.450
Nhà cung cấp khác	-	3.330.495
Cộng	<u>439.574.748</u>	<u>501.548.293</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Tiền thuế đất được bù trừ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Phải nộp	<i>451.760.152</i>	<i>2.322.983.395</i>	<i>667.083.723</i>	<i>502.492.410</i>	<i>1.605.167.414</i>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	60.245.046	1.820.490.985	275.568.617	-	1.605.167.414
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	391.515.106	-	391.515.106	-	-
Tiền thuế đất ^(**)	-	502.492.410	-	502.492.410	-
Phải thu	<i>(2.711.012)</i>	<i>6.107.450</i>	<i>4.728.922</i>	<i>-</i>	<i>(1.332.484)</i>
Thuế thu nhập cá nhân	(1.711.012)	1.107.450	728.922	-	(1.332.484)
Thuế, phí, lệ phí khác	(1.000.000)	5.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	<u>449.049.140</u>	<u>2.329.090.845</u>	<u>671.812.645</u>	<u>502.492.410</u>	<u>1.603.834.930</u>

(**) Tiền thuế đất trong năm được bù trừ với Phải thu ban đầu bù giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Cộng Hòa – Chí Linh.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản với thuế suất 22%, các khoản thu nhập khác từ hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% do Công ty có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 20 tỷ đồng theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(222.957.947)	(386.353.001)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thu nhập chịu thuế	(222.957.947)	(386.353.001)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>(1.567.879.929)</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	<i>1.344.921.982</i>	<i>(386.353.001)</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>-</u>	<u>-</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui

định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính và Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 1.497.606 m² đất đang sử dụng với mức 2.520 VND/m². Đơn giá thuê đất trên được áp dụng trong 5 năm, từ năm 2008 đến năm 2014, từ năm 2015 Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Chi phí phải trả

Là chi phí phải trả ngắn hạn:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí	-	30.000.000
Chi phí đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	6.904.056.900	5.179.165.872
Cộng	<u>6.904.056.900</u>	<u>5.209.165.872</u>

13. Phải trả khác

Là các khoản phải trả ngắn hạn:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	3.197.460	3.197.460
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.031.456.620	1.031.456.620
Phải trả cổ tức cho thể nhân đầu tư vào SHS	39.608.111	39.608.111
Phải trả các thể nhân ủy thác đầu tư về tiền bán cổ phiếu thưởng	63.192.763	63.192.763
Phải trả các cá nhân và pháp nhân hợp vốn đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	167.118.636	167.118.636
Phải trả tiền thu hộ phí, thuế chuyển sở hữu Cổ phiếu SHS	56.350.302	56.350.302
Xí nghiệp cơ giới và XD Sao đỏ	7.087.533	7.087.533
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.503.705	4.503.705
Cộng	<u>1.372.515.130</u>	<u>1.372.515.130</u>

14. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp.

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.444.727.273	3.259.636.364
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	83.886.242.111	65.957.686.073
Cộng	<u>86.330.969.384</u>	<u>69.217.322.437</u>

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Hoàn nhập trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	202.797.000	-	-	202.797.000

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa</u>	<u>Cộng</u>

	phân phối				
Số dư đầu năm nay	258.948.680.000	2.180.000.000	1.580.690.594	2.529.568.031	265.238.938.625
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(222.957.947)	(222.957.947)
Số dư cuối kỳ	258.948.680.000	2.180.000.000	1.580.690.594	2.306.610.084	265.015.980.678

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.894.868	25.894.868
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.894.868	25.894.868
- Cổ phiếu phổ thông	25.894.868	25.894.868
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.894.868	25.894.868
- Cổ phiếu phổ thông	25.894.868	25.894.868
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**
Là doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp.

2. **Giá vốn hàng bán**
Là giá vốn hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp.

3. **Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.340.366.664	384.541.666
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.555.318	2.787.604
Cộng	1.344.921.982	387.329.270

4. **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	430.969.250	484.947.046
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.803.561	13.543.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.097.898
Thuế, phí, lệ phí	20.161.000	12.188.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.616.880	96.814.216
Chi phí bằng tiền khác	113.103.966	165.091.514
Cộng	703.654.657	773.682.271

5. **Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không tính các chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ

phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu theo qui định trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Cao Su Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên xuất nhập khẩu Cao Su Việt Nam	Công ty con

Trong kỳ Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chuyển tiền thưởng cho công ty con	30.000.000	-
Tiền thuê nhà của Tập đoàn Cao su Việt Nam	31.707.995	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Cao su Việt Nam		
Phải thu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chi ủng hộ học sinh nghèo, trường học xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh	125.000.000	125.000.000
Cộng nợ phải thu	125.000.000	125.000.000

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.


Lập, ngày 10 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thảo

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ
KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/GT - VNC

“V/v: Giải trình kết quả sản xuất kinh doanh
Công ty mẹ Quý I/2015”

Hải dương, ngày 10 tháng 4 năm 2015

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông Công ty.

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính Phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ tài chính, hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông lời chào trân trọng và cảm ơn vì sự quan tâm, giúp đỡ trong thời gian qua.

Công ty xin được giải trình chênh lệch lợi nhuận trên 10 % Công ty mẹ quý I/2015 so với cùng kỳ như sau:

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ quý I/2015 là: (222.957.947) đồng.

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ quý I/2014 là: (386.353.001) đồng. Kết quả lợi nhuận kinh doanh quý I/2015 tăng so với cùng kỳ năm 2014 do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Một số nguồn thu nhập như: Tiền thuê đất của Nhà nước, tiền duy tu, bảo dưỡng hạ tầng KCN theo kế hoạch năm tài chính 2015 chưa thu được Quý 1/2015;

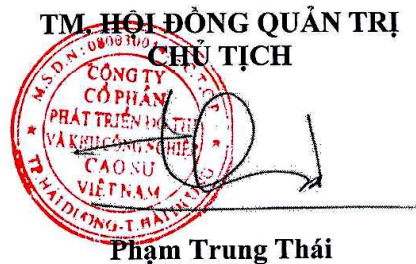
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Trung Thái